TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày 05-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 12 năm 2020 và ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 394/2020/TLPT-DS ngày 26/11/2020 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 351/2020/QĐPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 4, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng ủy quyền ngày 13/7/2020); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T1, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn C, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T1, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Ông Hoàng Quốc H1, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn T1, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T trình bày:

Do có quan hệ quen biết lâu năm. Ngày 22 tháng 01 năm 2020 bà Nguyễn Thị H có đến gặp và hỏi vay bà L số tiền 3.100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận không tính lãi suất. Trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nhưng hai bên có thỏa thuận: bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ này cho bà L ngay sau khi vay được tiền từ ngân hàng. Đến ngày 26/5/2020 bà H đã trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng (do con bà L nhận). Số tiền còn lại 2.900.000.000 đồng do bà H không thực hiện được việc vay ngân hàng để trả tiền nợ cho bà L như cam kết, do cần tiền để làm ăn bà L có yêu cầu bà H phải trả tiền nhưng bà H tìm mọi lý do để né tránh. Bà Nguyễn Thị H cũng không tiếp tục việc thực hiện việc thủ tục vay ngân hàng để trả nợ cho bà L và còn có hành vi tẩu tán tài sản (chuyển nhượng đất cho người khác) để trốn tránh việc phải trả nợ. Vì vậy, bà L khởi kiện bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị H cùng chồng là ông Ngô Văn C phải liên đới trả cho bà Trương Thị L số tiền nợ là 2.900.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu bà H phải trả lãi suất đối với số tiền vay này.

Lý do nguyên đơn yêu cầu ông C phải liên đới trả nợ cùng bà H bởi vì bà H vay với số tiền lớn và đem về sử dụng chung cho gia đình mặc dù khi vay chỉ có một mình bà H viết giấy vay và nhận tiền. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Tại các biên bản hòa giải, các bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thống nhất lời khai của nguyên đơn vào ngày 22 tháng 01 năm 2020 bà Nguyễn Thị H có viết giấy nhận nợ số tiền vay của bà L số tiền 3.100.000.000 đồng, không tính lãi suất. Trong giấy vay tiền không ghi thời hạn trả nhưng hai bên có thỏa thuận bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ này cho bà L ngay sau khi vay được tiền từ ngân hàng nhưng bà H không vay được vì đất không cho giao dịch. Tuy nhiên, thực tế số tiền bà H vay từ vợ chồng bà L vào tháng 01/2019 chỉ có 200.000.000 đồng nhưng do bà L tính lãi cộng dồn nên đến này 22/01/2020 thì bà L bắt bà H ký giấy nhận nợ là 3.100.000.000 đồng. Bà H thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền là do bà tự viết và ký theo yêu cầu của bà L.

Sau khi ký giấy nhận nợ thì bà H có đi vay ngân hàng nhiều nơi nhưng không vay được vì đất của bà bị vô quy hoạch treo. Đến ngày 26/5/2020 bà H đã nhờ bà Phạm Thị Kim L1 chở vào nhà trả cho bà L số tiền vay là 200.000.000 đồng (do con bà L nhận thay) do bà L không có ở nhà nên đưa cho con của bà L bằng cách ném số tiền qua hàng rào, con bà L nhận, khi trả số tiền 200.000.000 đồng do tin tưởng nên không lập biên bản. Tại phiên tòa, bà H cho rằng bà đồng ý nhận nợ là 2.900.000.000 đồng và xin trả dần vì điều kiện kinh tế khó khăn. Về việc yêu cầu ông C liên đới trả nợ, bà H cho rằng khi viết giấy vay của bà L số tiền 3.100.000.000 đồng nhằm mục đích trả nợ riêng của bà H nên ông C không biết và không liên quan đến số nợ này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn C (có đơn xin vắng mặt) trình bày*: Ông C là chồng của bà Nguyễn Thị H, ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì việc vay nợ giữa bà L và bà H như thế nào thì ông C không biết, bà L không hề thỏa thuận hay thông báo gì với ông về khoản nợ nêu trên. Bà H có vay nợ hay sử dụng số tiền vay đó như thế nào thì ông C không biết, bà H cũng không báo cho gia đình về khoản vay này. Vì vậy, ông C không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không đồng ý liên đời trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc H1 (có đơn xin vắng mặt) trình bày*: Ông H1 là chồng của bà L, việc vay nợ giữa bà L và bà H như thế nào thì ông H1 không biết, ông H1 không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên từ chối tham gia tố tụng.

- *Người làm chứng bà Phạm Thị Kim L1 (có đơn xin vắng mặt) trình bày*: Bà L1 là người quen của bà Nguyễn Thị H, bà không biết bà Trương Thị L là ai. Việc vay nợ giữa bà L và bà H như thế nào thì bà L1 không biết. Ngày 26/5/2020 bà H có nhờ bà L1 chở đi trả nợ (bà cũng không biết bà H đi trả nợ cho ai, trả số tiền bao nhiêu và trả cho khoản nợ nào). Khi đến nhà của bà L thì bà L không có nhà thì bà H gọi điện thoại cho bà L thì bà L nói đang đi Bình Dương. Bà L kêu bà H đưa tiền cho con của bà L. Lúc này, bà L1 mới biết bà H trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng. Do bà L không có nhà, con của bà L không mở cửa (bà không biết họ tên của con bà L) mà kêu bà H đưa tiền qua hàng rào. Bà H cũng đồng ý đưa tiền cho con của của bà L bằng cách ném cọc tiền qua hàng rào. Con của bà L bên trong hàng rào đã nhận tiền và hai bên không lập biên bản và cũng không đếm lại tiền. Sau khi trả tiền xong, bà L1 chở bà H đi về ngoài ra bà L1 không biết sự việc nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DSST ngày 21/8/2020, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền vay là 2.900.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Ngô Văn C phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị H thanh toán số nợ 2.900.000.000 đồng cho nguyên đơn.

3. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị L số tiền vay là 2.900.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 03/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với phần Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Ngô Văn C phải liên đới thanh toán số tiền 2.900.000.000 đồng cho nguyên đơn, đồng thời cho rằng bị đơn chỉ vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng và đã trả cho nguyên đơn, số tiền 2.900.000.000 đồng là tiền lãi nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với phần trách nhiệm liên đới của ông C, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bị đơn đã rút kháng cáo. Đối với phần kháng cáo về việc buộc bà H phải trả cho cho bà L số tiền 2.900.000.000 đồng, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Quốc H1 vắng mặt và đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp

phúc thẩm xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Trương Thị L cho rằng: Ngày 22/01/2020, bà Nguyễn Thị H có vay của bà L số tiền 3.100.000.000 đồng và cam kết sau khi vay ngân hàng sẽ trả đủ tiền cho bà L, hai bên lập "giấy mượn tiền ngày 22/01/2020", ngày 26/5/2020 bà H đã trả được số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại 2.900.000.000 đồng, bà H không thực hiện được việc vay ngân hàng để trả tiền nợ cho bà L như cam kết. Do đó, bà L khởi kiện yêu bà H cùng chồng là ông Ngô Văn C phải liên đới trả cho bà Trương Thị L số tiền nợ là 2.900.000.000 đồng. Bà L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

[2.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký, chữ viết trên Giấy mượn tiền ngày 22/01/2020 bà của bà H, tuy nhiên bà H cho rằng thực tế số tiền bà H vay của bà L vào tháng 01/2019 chỉ có 200.000.000 đồng nhưng do bà L tính lãi cộng dồn nên đến này 22/01/2020 thì bà L bắt bà H ký giấy nhận nợ là 3.100.000.000 đồng. Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 21/8/2020 (Bl 128), bà L đồng ý trả cho bà L số tiền 2.900.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi có bản án sơ thẩm, bà H kháng cáo toàn bộ bản án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H thấy rằng:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút kháng cáo đối với phần trách nhiệm liên đới của ông Ngô Văn C, do đó Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này của bị đơn theo quy định tại Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng tại giấy mượn tiền ngày 22/01/2020, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận đối với số tiền bị đơn vay của nguyên đơn sau khi bị đơn vay ngân hàng sẽ trả đủ, do giấy mượn tiền không xác định thời gian trả, hợp đồng chưa đến hạn nên nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định vào tháng 01/2020, bị đơn đã thực hiện thủ tục vay ngân hàng để trả tiền cho nguyên đơn nhưng không được do đất của bị đơn bị quy hoạch. Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn không đủ điều kiện khởi kiện là không có căn cứ.

[3.3] Ngoài ra, bị đơn kháng cáo cho rằng thực tế số tiền bị đơn vay của nguyên đơn vào tháng 01/2019 chỉ là 200.000.000 đồng nhưng do nguyên đơn tính lãi cộng dồn nên đến này 22/01/2020, nguyên đơn buộc bị đơn ký giấy nhận nợ 3.100.000.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả số tiền 2.900.000.000 đồng cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn cho rằng chỉ vay nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, số tiền 2.900.000.000 đồng là lãi cộng dồn nhưng không cung cấp được giấy vay tiền đối với số tiền 200.000.000 đồng, không cung cấp được chứng cứ trả lãi và nguyên đơn cũng không thừa nhận lời trình bày của bị đơn; bị đơn cho rằng bị ép buộc ký vào tờ giấy mượn tiền ngày 22/01/2020 nhưng việc ký giấy mượn tiền được tiến

hành tại nhà bị đơn và bị đơn cũng không báo việc bị ép buộc ký vào giấy mượn tiền ngày 22/01/2020 cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan công an nên những lời trình bày trên của bà H là không có căn cứ. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp những tin nhắn giữa bà H và bà L tuy nhiên nội dung của những tin nhắn này không thể hiện việc bà H chỉ vay của bà L số tiền 200.000.000 đồng, cũng không thể hiện việc bà L ép bà H ký nhận nợ số tiền 3.100.000.000 đồng. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà H là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 312; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H đối với phần Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Ngô Văn C phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị H thanh toán số nợ 2.900.000.000 đồng cho nguyên đơn.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai số 0031139 ngày 10/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng